

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO TỔNG KẾT  
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 06 THÁNG NĂM 2022**

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

**1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:**

- Tên quỹ:	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt Viết tắt: BVBF
- Loại hình quỹ:	Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư:	Tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư lãi suất cố định.
- Thời gian hoạt động:	Không giới hạn
- Benchmark:	Bình quân lãi suất tiền gửi 06 tháng của 04 ngân hàng VCB, BID, CTG, MBB (chỉ số tham chiếu để đánh giá nội bộ)
- Chính sách phân chia lợi nhuận:	Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư).
- Số lượng đơn vị quỹ:	9.264.755,22 (thời điểm 30/06/2022)
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Không có



<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:</li> </ul>	<p><b>Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2022</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021</li> <li>- Thông qua việc không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 cho Nhà đầu tư</li> <li>- Phê duyệt Ngân sách hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ năm 2022</li> <li>- Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán trong tờ trình của BVF và lựa chọn Công ty TNHH Ernst &amp; Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVBF năm 2022.</li> <li>- Thông qua dự thảo điều lệ quỹ sửa đổi.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:</li> </ul>	<p>Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>

## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (*tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư*):

❖ Theo tài sản:

Cơ cấu tài sản Quỹ	30/06/2022 (%)	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)
<b>Danh mục trái phiếu</b>	33,51	60,51	53,99
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	0,00	0,00	0,00
<b>Tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi thanh toán</b>	64,13	35,54	41,53
<b>Tài sản khác</b>	2,36	3,95	4,48
<b>Tổng cộng</b>	100,00	100,00	100,00

❖ Theo ngành, lĩnh vực (tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư):

	30/06/2022 (%)	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)
Trái phiếu Chính phủ	0,00	39,98	40,91
Trái phiếu doanh nghiệp	33,51	20,53	13,08

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

	30/06/2022 (VNĐ)	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
GTTSR	161.940.961.780	179.866.577.052	177.608.845.746

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

	30/06/2022(VNĐ/CCQ)	31/12/2021 (VNĐ/CCQ)	31/12/2020 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ	17.479	17.154	16.384

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	30/06/2022(CCQ)	31/12/2021 (CCQ)	31/12/2020 (CCQ)
Số CCQ	9.264.755,22	10.485.396,35	10.840.260,99

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp nhất trong năm:

	06 tháng/2022 (VNĐ/CCQ)	Năm 2021 (VNĐ/CCQ)	Năm 2020 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ cao nhất	17.479	17.154	16.614
GTTSR/CCQ thấp nhất	17.062	16.427	15.495

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	06 tháng/2021 (VNĐ)	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(3.857.731.612)	(369.949.863)	(18.086.278.966)
Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (trái tức)	2.344.262.402	10.107.448.026	5.232.171.535

<b>Chênh lệch mua bán chứng khoán</b>	2.884.051.201	-	24.640.879.511
<b>Thu nhập khác (lãi tiền gửi)</b>	2.435.502.122	-	6.979.320.641
<b>Tổng chi phí</b>	719.733.258	1.473.963.033	2.501.270.882
<b>Tổng lợi nhuận</b>	3.086.350.855	8.263.535.130	16.264.821.839

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (*giá trị thuần và giá trị gộp*) trong kỳ báo cáo: không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có. Thời điểm gần nhất là 18/05/2020, ngày chi trả là 10/06/2020.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có. Kỳ chi trả năm 2020 như sau: trước khi chi trả (12/05/2020: 16.602VNĐ/CCQ), sau khi chi trả (19/05/2020: 15.589VNĐ/CCQ)
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối quý IV năm 2021	0,7%
Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2022	0.83%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV năm 2021	14,90
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2022	54,06

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/ reverse repo: không có

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng (*1 năm*), tính tới ngày lập báo cáo (*hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm*): 7,12 tỷ VNĐ
- Trong thời hạn 36 tháng (*3 năm*), tính tới ngày lập báo cáo (*hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm*): 9,93 tỷ VNĐ

- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): 8,91 tỷ VNĐ

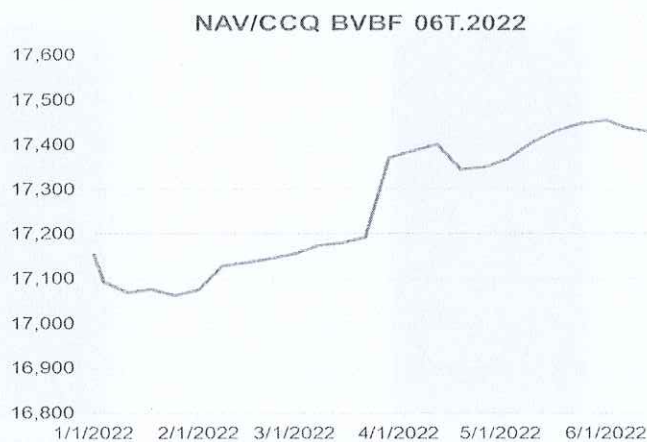
c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV – Chi nhánh Hà thành.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường

- d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.
- Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: NAV tại 30/06/2022 là 17.479 VNĐ/CCQ, tăng 1,89% so với cuối năm 2021 và thấp hơn 0,16% so với benchmark lãi suất tiền gửi 6 tháng của VCB, BID, CTG, MBB là 2,05% trong 06 tháng đầu năm 2022.
- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



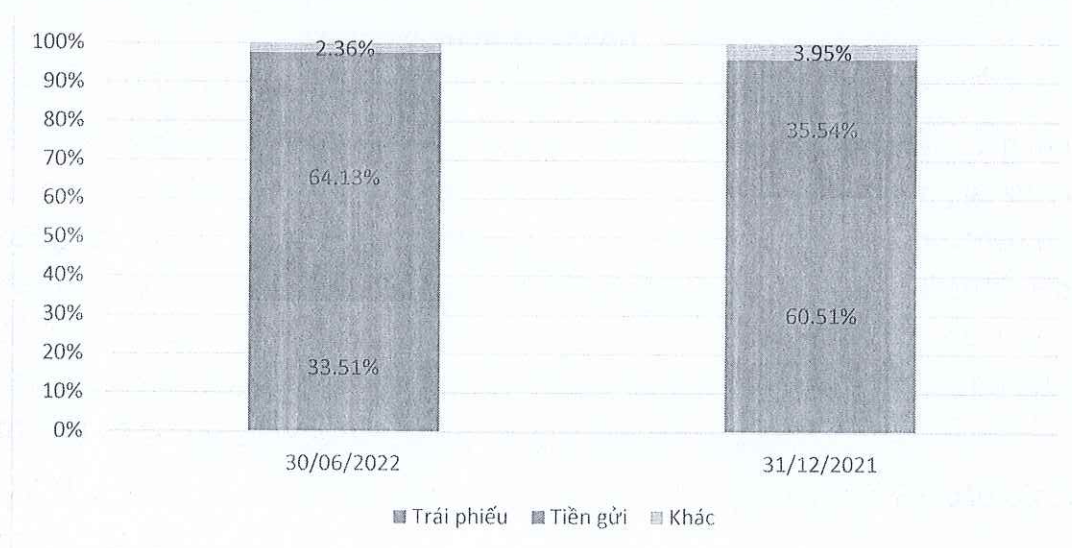
- d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):



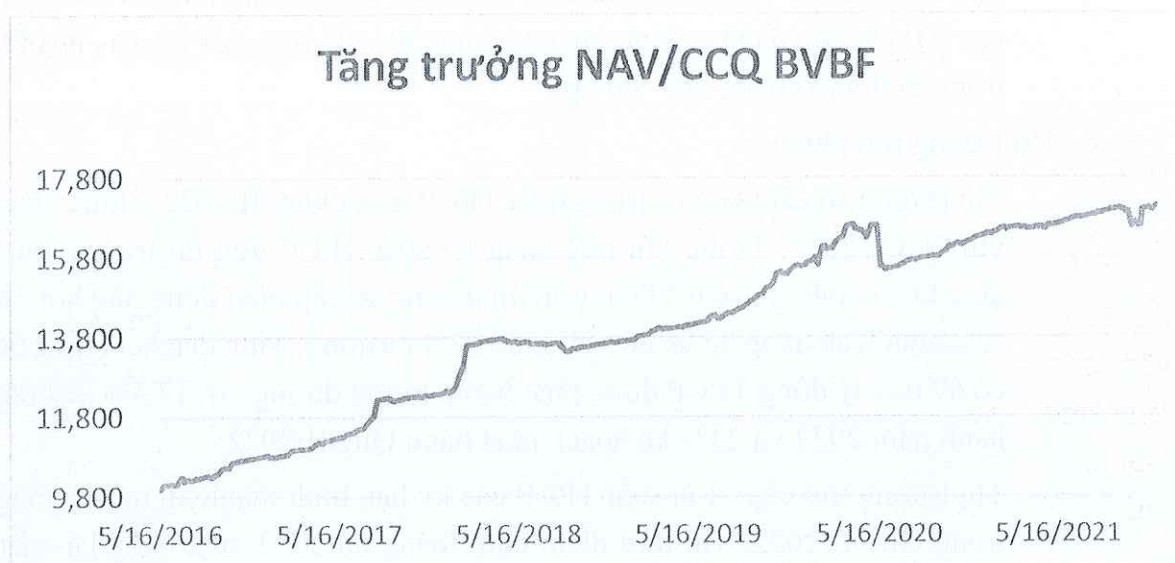
- e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, tập trung khai thác các yếu tố mang tính nền tảng, dài hạn của nền kinh tế, thị trường lãi suất cố định cũng như doanh nghiệp. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được cấu trúc theo hướng đa dạng hóa, kết hợp giữa các tài sản có mức độ rủi ro từ thấp đến cao theo tỷ lệ phù hợp để đạt được mục tiêu đầu tư. Bên cạnh đó, trong quá trình đầu tư, ngoài việc bám sát mục tiêu dài hạn, Công ty Quản lý Quỹ cũng sẽ linh hoạt tận dụng các cơ hội thị trường để gia tăng giá trị cho Quỹ.

- f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:



- g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có):



- h. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô:

- Kết quả vĩ mô trong 1H/2022 cho thấy sự hồi phục rất tích cực của kinh tế Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp.
- Nhìn chung, rủi ro lớn nhất đối với nền kinh tế Việt Nam đến từ các yếu tố mang tính quốc tế như (1) sự giảm tốc của kinh tế thế giới do ảnh hưởng của quá trình thắt chặt chính sách tiền tệ (2) lạm phát cao có khả năng kéo dài, (3) sự đứt gãy của chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt từ Trung Quốc. Như vậy, rủi ro có thể phát sinh đối với nền kinh tế Việt Nam bao gồm: (1) hoạt động xuất khẩu giảm tốc, (2) lạm phát trong nước vượt ngưỡng kiểm soát, (3) thu hút vốn FDI bị ảnh hưởng.

Thị trường tiền tệ:

- Sau nhịp tăng mạnh trong Quý I/2022, lãi suất VNIBOR các kỳ hạn ngắn (từ 06 tháng trở xuống) vận động khá ổn định ở mặt bằng mới trong Quý II/2022 (riêng lãi suất overnight giảm mạnh về mặt bằng năm 2021 trong nửa cuối Quý II/2022), trong khi đó lãi suất VNIBOR các kỳ hạn dài vẫn duy trì ở mặt bằng thấp tương đương với năm 2021. Trong nửa cuối tháng 06/2022, SBV thậm chí còn thực hiện trở lại việc phát hành tín phiếu trên thị trường mở sau 02 năm tạm dừng để điều tiết thanh khoản của NHTM đồng thời hỗ trợ tỷ giá USD/VND. Như vậy, về tổng thể, thanh khoản của hệ thống NHTM ở thời điểm hiện tại mặc dù đã giảm bớt nhưng vẫn có sự dồi dào nhất định.

- Trong 1H/2022, mặt bằng lãi suất tiền gửi tăng liên tục từng tháng nhưng ở mức độ vừa phải. So với thời điểm cuối năm 2021, mặt bằng lãi suất các kỳ hạn của các NHTM lớn đã tăng bình quân khoảng 20 – 25 bps, đối với các NHTM nhỏ - trung bình là khoảng 30 – 40 bps.

Thị trường trái phiếu:

- Thị trường sơ cấp: Giá trị trúng thầu TPCP trong Quý II/2022 ở mức khá thấp so với Quý I/2022. Trong khi mặt bằng lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đã tăng khá mạnh, lãi suất TPCP trên thị trường sơ cấp biến động nhẹ hơn và tạo ra sự chênh lệch đáng kể về lãi suất giữa 02 thị trường. Tính đến hết tháng 06/2022, có 69.047 tỷ đồng TPCP được phát hành, tương đương với 17,3% kế hoạch phát hành năm 2022 và 23% kế hoạch phát hành Quý II/2022.
  - Thị trường thứ cấp: Lãi suất TPCP các kỳ hạn hình thành xu hướng tăng rõ nét trong Quý II/2022. Tại thời điểm cuối tháng 06/2022, mặt bằng lãi suất TPCP các kỳ hạn đã tương đương với mặt bằng lãi suất TPCP trong Quý IV/2019 – Quý I/2020, thời điểm dịch Covid-19 bắt đầu bùng phát trên phạm vi toàn thế giới. NĐTNN có xu hướng bán ròng trên thị trường thứ cấp trong 1H/2022. Theo số liệu tham khảo, giá trị bán ròng của NĐTNN ước tính khoảng 426 tỷ đồng trong Quý I/2022, 2.256 tỷ đồng trong Quý II/2022.
  - TPDN: Lũy kế 1H/2022, tổng giá trị phát hành TPDN đạt 165.015 tỷ đồng, chưa bằng 25% so với tổng quy mô phát hành năm 2021. Về cơ cấu ngành nghề doanh nghiệp phát hành: NHTM, BĐS và xây dựng vẫn là các ngành chiếm tỷ lệ phát hành lớn nhất. Các doanh nghiệp phát hành khác, mặc dù có sự đa dạng về ngành nghề, nhưng lại mang tính đơn lẻ, chưa đại diện cho xu hướng huy động vốn qua kênh TPDN của ngành. Mặt khác, do ảnh hưởng bởi việc siết chặt thị trường TPDN, hoạt động phát hành TPDN trong một số tháng gần đây chủ yếu là từ nhóm NHTM. Về kỳ hạn và lãi suất: Đối với kỳ hạn từ 5 năm trở lên của nhóm NHTM, lãi suất là lãi suất tham chiếu (bình quân lãi suất tiền gửi 12 tháng của 4 NHTM có vốn NN) cộng biên độ từ 0,5% - 2%. Với kỳ hạn dưới 5 năm, lãi suất phổ biến trong khoảng 3,8% - 4,7%/năm. Đối với nhóm các DN khác, kỳ hạn phát hành trung bình là 3,02 năm, lãi suất phát hành phổ biến trong khoảng từ 9,5% - 11%/năm.
- i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (*nếu có*): Không có.
  - j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có.
  - k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (*nếu có*): không có.
  - l. Các thông tin khác (*nếu có*): không có.



#### 4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): không có.
- b. Việc lưu ký tài sản của quỹ: tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan.
- c. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- d. Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.

- Chi tiết về việc phát hành CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2021	10.485.396,35 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	144.037,77CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	1.364.679,90 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2022	9.262.755,22 CCQ

- f. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: Trong năm báo cáo, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

#### 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022)	Số tiền hoặc tỷ lệ
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	6,18%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	5,01%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	26,50%

- b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.

- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (*trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ*): Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ.

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022)	Số tiền
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	190.704.620
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng (VNĐ)	67.100.000
Chi phí trả cho NH LKGS (VNĐ)	123.604.620

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyên nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD). Dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ được ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI), Fincorp. Theo đánh giá của BVF, VSD, BVSC, JSI và Fincorp đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ BVBF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ 06 tháng đầu năm 2022 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF).

Trân trọng./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình An